

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-10-2019.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;

2. Bà Nguyễn Thị Thân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký N khẩu thường trú: Tổ 05, ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh N;

Hiện cư trú tại: Tổ 07, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh N; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1991;

Cư trú tại: Tổ 05, ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc K chung sống với nhau năm 2013, hôn nhân tự nguyện và ngày 26/12/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K không chăm lo cho vợ con,

cờ bạc, trai gái, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh K không đến thăm nom con chung và tình cảm vợ chồng cũng không hàn gắn được. Nay chị và anh K không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, nên yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01/10/2014 và Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 21/12/2018. Cháu Ng hiện đang sống với chị, cháu N sống với anh K. Chị yêu cầu được quyền nuôi 02 con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 10 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Quốc K trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do từ cuối năm 2018 khi chị T sinh con thứ hai là cháu Nguyễn Trọng Ng thì gia đình anh và gia đình chị T xảy ra mâu thuẫn về vấn đề giấy tờ và chuyện thăm nuôi khi chị T sinh con, giữa vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh nhiều lần năn nỉ, hòa giải đoàn tụ với chị T nhưng chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh. Do đó, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về con chung là đúng. Anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trọng N, giao con chung tên Nguyễn Trọng Ng cho chị T nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Phạm Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc K, yêu cầu được quyền nuôi hai con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Anh Nguyễn Quốc K vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quốc K.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 21/12/2018** cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao con chung tên **Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01/10/2014** cho anh Nguyễn Quốc K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T, anh K không yêu cầu **cấp dưỡng** nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quốc K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Quốc K là bị đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K.

[2] Về hôn N: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quốc K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 127, quyền số 01, ngày 26/12/2013 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh N. Căn cứ quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T thấy rằng: Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh K do anh K cờ bạc, trai gái, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh K. Quá trình giải quyết vụ án, anh K cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng giữa hai gia đình, vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng nhưng do chị T cương quyết yêu cầu ly hôn với anh, nên anh đồng ý ly hôn với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quốc K.

[3] Về nuôi con chung:

Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quốc K có 02 con chung tên **Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01/10/2014** và **Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 21/12/2018**; hiện cháu N đang sống với chị T, cháu N đang sống với anh K. Chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, anh K yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu N, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị T, anh K thấy rằng:

Đối với cháu Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 21/12/2018, xét thấy hiện nay cháu Ng chưa đủ 36 tháng tuổi và anh K cũng đồng ý giao cháu Ng cho chị T nuôi dưỡng,

nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Ng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiện N của chị T thấy rằng: Hiện nay chị T đang nuôi con nhỏ (cháu Ng) dưới 12 tháng tuổi, phải dành nhiều thời gian để quan tâm, chăm sóc cho cháu Ng, hơn nữa chị không có nghề nghiệp ổn định, phải sống phụ thuộc chủ yếu vào kinh tế của gia đình chị. Trong khi đó, anh K có việc làm và thu nhập, đảm bảo điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Cháu N sống cùng anh K và gia đình anh K cũng có cuộc sống ổn định, được đi học tại Trường Mẫu giáo L, huyện B, tỉnh N; việc học tập và sinh hoạt hàng ngày của cháu N do anh K và gia đình anh K chăm lo. Chị T trình bày gia đình anh K có em trai bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy, qua xác minh thể hiện em trai anh K (anh Nguyễn Văn A) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh N cùng với gia đình anh K, nhưng anh A không thường xuyên sinh sống tại địa chỉ nêu trên và hiện nay cũng không có mặt tại địa phương. Ngoài ra, qua xác minh cũng thể hiện anh K là người chăm lo làm ăn, không bê tha rượu chè, cờ bạc như chị T trình bày.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu N và Ng, xét thấy cần giao cháu Ng cho chị T và giao cháu N cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T và anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quốc K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quốc K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2018** cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao con chung tên **Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2014**

cho anh Nguyễn Quốc K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T, anh K không yêu cầu **cấp dưỡng** nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quốc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị T, anh K cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị T, anh K không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quốc K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006398 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quốc K vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Thúy

